

I U KHO N THAM CHI U

V trí: **T v n trong n c:** Tr ng nhóm nghiên c u và Chuyên gia v kháng kháng sinh; **Nghiên c u i n hình v ph ng pháp tí p c n M t S c kh e i v i tình tr ng kháng kháng sinh t nh B c Giang và khuy n ngh t ng c ng ph ng pháp tí p c n t c p t nh n a ph ng**

a i m th c hi n: Hà N i và th c a t i B c Giang.

Th i gian th c hi n: Tháng 7/2018-Tháng 9/2018.

Báo cáo: Giám c d án qu c gia, D án SCOH2.

1) Gi i thi u chung

Việt Nam là qu c gia n m trong vùng có nguy c t ng i cao i v i các b nh truy n nhi m m i n i (EID), bao g m các b nh truy n lây t ng v t sang ng i do s ti p xúc gi a ng i v i ng i, ng i v i v t nuôi, ng v t hoang dã và h sinh thái. Vi c gi i quy t các hành vi r i ro liên quan n an ninh sinh h c c a v t nuôi và nuôi, buôn bán và tiêu th ng v t hoang òi h i ph i có m t n l c lâu dài.

Trong nh ng n m qua, Chính ph Việt Nam (CP) ã và ang tích c c t ng c ng áp d ng ph ng pháp tí p c n M t S c Kh e i v i các b nh truy n nhi m m i n i (EID). Các n l c c p qu c gia hi n ã c th hi n trong K ho ch Chi n l c M t s c kh e Qu c gia Phòng ch ng B nh truy n lây gi a ng v t và ng i (OHSP), giai o n 2016-2020, trong ó ra k ho ch 5 n m nh m gi m tác ng c a b nh n s c kh e con ng i và các tác ng khác. OHSP c p n 7 l nh v c tr ng tâm, bao g m t ng c ng n ng l c M t S c Kh e, và áp d ng cách tí p c n M t S c Kh e nh m qu n lý các tr ng h p kh n c p v d ch b nh liên quan n ng i b t ngu n t ng v t, các tác nhân có kh n ng lây b nh gi a ng v t và ng i m c dù ch a xu t hi n, virus cúm lây t ng v t sang ng i có kh n ng bi n thành i d ch, b nh đ i, b nh kháng kháng sinh (AMR) và các b nh truy n lây gi a ng v t và ng i c n c u tiên quan tâm khác. Tham kh o thêm v OHSP t i <http://onehealth.org.vn/documents/the-viet-nam-ohsp-2016-2020-final/203.html>.

OHSP l u ý r ng tình tr ng kháng kháng sinh (AMR) là m t m i quan tâm toàn c u ngày càng gia t ng, trong ó có châu Á và Việt Nam¹. Vi c qu n lý và ng n ch n AMR òi h i cách tí p c n M t S c Kh e, bao g m các hành ng c n thi t gi m s l ng các b nh nhi m khu n không th i u tr n i trú và ngo i trú, c ng nh c n ph i có các hành ng c a riêng ngành ch n nuôi gi m m c kháng kháng sinh cao ng v t, c bi t là các trang tr i ch n nuôi và nuôi tr ng th y s n, và c ng c n gi i quy t các v n v môi tr ng do s d ng m t s lo i thu c kháng khu n và s xu t hi n c a m t s sinh v t kháng kháng sinh trong n c th i c a ng i và ng v t. C n có s ph i h p và h p tác hi u qu gi a các ngành khác nhau.

Giai o n th hai c a d án T ng c ng n ng l c th c hi n ph ng pháp tí p c n M t S c kh e t i Việt Nam (SCOH2) do B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn (B NN & PTNT)

¹ K ho ch chi n l c M t s c kh e cho Việt Nam i v i b nh truy n lây (OHSP), 2016-2020 - Ph l c k thu t, tr.39.

ph i h p v i B Y t (MOH) th c hi n, v i s tài tr c a USAID thông qua UNDP nh m h tr i tác M t s c kh e Vi t Nam i v i b nh truy n lây gi a ng v t và ng i (OHP) và Ban th ký c t t i B NN & PTNT. M t ho t ng chính c a d án SCO2 là th c hi n nghiên c u nh m h tr ho t ng ho ch nh chính sách M t s c kh e c a Vi t Nam. Ch c a nghiên c u này c Ban th ký OHP xác nh d i s h ng d n c a các c quan k thu t ch ch t c a B NN & PTNT và B Y t c ng nh các chuyên gia trong n c và qu c t khác thu c y ban t v n k thu t (TAC) c a d án.

h tr vi c cung c p các thông tin và khuy n ngh rõ ràng cho các nhà ho ch nh chính sách qu c gia và các bên liên quan quan tr ng v hi n tr ng t ng c ng n ng l c M t s c kh e, h tr cách ho t ng h p tác và các n l c nh m gi i quy t các b nh truy n lây gi a ng v t và ng i và AMR t c p t nh n c p a ph ng, SCO2 s th c hi n m t lo t các nghiên c u trên m t t nh c l a ch n nh m góp ph n xây d ng m t h s t nh v m t s v n M t s c kh e quan tr ng c l a ch n làm c s xác nh các khuy n ngh nh m t ng c ng n ng l c M t s c kh e và các n l c c p t nh.

Lo t nghiên c u này s bao g m nghiên c u sau ây: *Nghiên c u tình hu ng v cách ti p c n M t S c Kh e i v i tình tr ng kháng kháng sinh t i t nh B c Giang và các khuy n ngh c ng c cách ti p c n này t c p t nh n a ph ng.*

D a trên c d li u nh tính và nh l ng, Nghiên c u s xác nh tình hình qu n lý kháng sinh i v i ng i và trong nông nghi p, c ng nh các r i ro AMR và các n l c phòng ch ng liên ngành, t c p t nh n a ph ng

Các câu h i chính c n c tr l i trong nghiên c u bao g m:

- Hi n tr ng c ch và k ho ch ph i h p s d ng kháng sinh và phòng ch ng tình tr ng kháng kháng sinh trên a bàn t nh?
- T ng quan v s d ng kháng sinh trong t nh (T ng quan ng n g n v s c kh e con ng i, s c kh e ng v t/v t nuôi và có th / ã xác nh n vi c tình tr ng kháng kháng sinh d a trên các nghiên c u và th c a)?
- Các c ch ch y u trong qu n lý kháng sinh t nh i v i s c kh e con ng i, s c kh e ng v t ho c các ngành khác?
- Hi n tr ng giám sát s d ng kháng sinh và AMR trong các ngành này? So sánh kinh nghi m c a t nh d a trên b n CIRAD/NIVR v giám sát s c kh e AMR M t s c kh e c p qu c gia?
- Các quy nh và th c thi pháp lu t v s d ng kháng sinh trong ngành nông nghi p?
- Các r i ro kháng kháng sinh ch y u c a t nh c xác nh là gì?
- Khuy n ngh chính nào t ng c ng qu n lý tình tr ng kháng kháng sinh và gi i quy t tình tr ng kháng kháng sinh thông qua các chính sách, ngu n l c và hành ng t t c các c p Vi t Nam d a trên các bài h c t t nh này?

i u kho n tham chi u này c xây d ng l a ch n m t Chuyên gia t v n trong n c vào v trí i tr ng nghiên c u kiêm Chuyên gia v Kháng kháng sinh th c hi n Nghiên c u này (sau ây g i t t là 'Nhà th u T v n').

Ba chuyên gia T v n trong n c s c d án huy ng óng góp các chuyên môn c th và các báo cáo u vào cho toàn b nghiên c u, bao g m:

- M t Chuyên gia v H th ng Y t , th c hi n ánh giá tình tr ng qu n lý kháng sinh và Kháng kháng sinh và các r i ro t i m n trong h th ng y t ;

- M t chuyên gia v Thú Y, th c hi n ánh giá v qu n lý kháng sinh và tình tr ng kháng kháng sinh và các r i ro ti m n trong các chu i giá tr ng v t (ch n nuôi, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã); và
- M t chuyên gia v Y t Môi tr ng th c hi n ánh giá các ch tiêu môi tr ng liên quan n vi c s đ ng kháng sinh và Kháng kháng sinh, bao g m s hi n đi n c a các lo i thu c kháng khu n và sinh v t kháng trong n c th i c a ng i và ng v t..

Nhà th u T v n s ch trì vi c thi t k n i dung chi ti t và ph ng pháp lu n nghiên c u và thu th p thông tin và rà soát các tài li u, báo cáo liên quan, th c hi n nghiên c u th c a c p t nh, huy n và xã B c Giang, ch trì so n th o đ th o báo cáo, trình bày các phát hi n, hoàn thi n và n p Báo cáo nghiên c u cu i cùng.

2) M c tiêu nhi m v

M c tiêu c a nhi m v t v n là ch trì và óng góp các u vào quan tr ng vào m t nghiên c u tình hu ng v cách ti p c n M t s c kh e trong kháng kháng sinh B c Giang và xây d ng các khuy n ngh nh m c ng c các ti p c n này t c p t nh n c p a ph ng. Nghiên c u s k t h p các k t qu ánh giá t c p t nh n c p a ph ng v qu n lý kháng sinh và tình tr ng kháng kháng sinh và các r i ro ti m n trong h th ng y t , qu n lý kháng sinh và tình tr ng kháng kháng sinh trong chu i giá tr ng v t (ch n nuôi, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã), và các v n môi tr ng do vi c s đ ng m t s lo i thu c kháng khu n và s xu t hi n c a m t s sinh v t kháng sinh trong n c th i c a ng i và ng v t. Báo cáo s l ng ghép các k t qu nghiên c u ã có và k t qu th c a t i B c Giang, ng th i và ghi nh n các ý ki n óng góp c a các bên liên quan qu c t , qu c gia và a ph ng.

3) Quy mô nhi m v

Sau ây là các nhi m v chính đ ki n s c Nhà th u t v n c l a ch n th c hi n trong Nhi m v t v n này:

1. D a trên các tham v n ban u, th c hi n nghiên c u và óng góp các u vào chính cho quá trình chu n b Báo cáo kh i ng và K ho ch th c hi n chi ti t cho vi c xây d ng H s t nh, bao g m vi c thi t k các n i dung chi ti t và ph ng pháp lu n c a Nghiên c u xu t. K ho ch th c hi n c n c i u ch nh cho phù h p v i các a i m nghiên c u c th và ph i c trình D án SCOH2 và UNDP xem xét. Sau khi hoàn thi n, K ho ch s c g i cho t nh B c Giang tr c khi th c hi n th c a.
2. Ch trì th c hi n và óng góp các u vào chính cho vi c thu th p và rà soát các thông tin và nghiên c u liên quan ã có, bao g m vi c t ch c các cu c h p và làm vi c v i các t ch c trong n c và qu c t , theo dõi các đ án và ch ng trình có liên quan t i Hà N i thu th p thông tin và tài li u.
3. Xây d ng và th nghi m các công c kh o sát và ph ng v n xu t, các câu h i i u tra nh m th c hi n nghiên c u th c a và i u ch nh các công c đ a trên k t qu th c a và ý ki n óng góp t D án SCOH2 và UNDP.
4. Ch trì và ph i h p th c hi n nghiên c u hi n tr ng, đ ki n v i các ho t ng sau:
 - a. Ti n hành ph ng v n theo m u và b ng h i i v i các cán b liên quan c p t nh, huy n và xã (l a ch n m t s huy n, xã).
 - b. Ti n hành ph ng v n theo m u và b ng h i i v i i đi n liên quan c a l nh v c t nhân t i c p t nh, huy n và xã (l a ch n m t s huy n, xã).
 - c. Ti n hành ph ng v n theo m u và b ng h i v i i đi n liên quan c a các t ch c qu n chúng, hi p h i, t ch c dân s xã h i t i c p t nh, huy n và xã (l a

chẩn đoán, xã).

- d. Thu thập và rà soát văn bản pháp luật, chính sách, tài liệu pháp luật và các tài liệu có liên quan khác có liên quan.
5. Chỉ định và phân tích các số liệu tính và ảnh hưởng đã thu thập trong quá trình rà soát các nghiên cứu sơ bộ và qua quá trình thực địa nghiên cứu.
6. Trình bày các kết quả nghiên cứu dưới hình thức báo cáo các bên liên quan chính. Hình thức này sẽ do Đoàn SCOH2 thực hiện tại Hà Nội hoặc địa phương nghiên cứu.
7. Xem xét các ý kiến đóng góp của Đoàn và các bên liên quan trực tiếp và thí nghiệm, xây dựng Báo cáo dưới dạng báo cáo tóm tắt, báo cáo phụ lục, kết luận và các phụ lục đính kèm. Đóng góp ý kiến và kết quả các kết quả đánh giá về quần lý kháng sinh và tình trạng kháng kháng sinh và các rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống y tế, quần lý kháng sinh và tình trạng kháng kháng sinh trong chuỗi giá trị nông sản (chăn nuôi, gây nuôi và buôn bán nông sản hoang dã), và vấn đề môi trường do sử dụng thuốc kháng khuẩn và sản xuất hóa chất sinh vật kháng kháng sinh trong nông nghiệp và nông sản.
8. Xem xét các thông tin phản hồi từ Đoàn và các bên liên quan, chi phí xây dựng báo cáo cuối cùng, bao gồm kết quả các kết quả đánh giá về quần lý kháng sinh, tình trạng kháng kháng sinh và các rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống y tế, quần lý kháng sinh và tình trạng kháng kháng sinh trong chuỗi giá trị nông sản (chăn nuôi, gây nuôi và buôn bán nông sản hoang dã), và các vấn đề môi trường do sử dụng thuốc kháng khuẩn và sản xuất hóa chất sinh vật kháng kháng sinh trong nông nghiệp và nông sản.

4) Thời gian, phạm vi nghiên cứu và phạm vi địa điểm

Thời gian thực hiện nghiên cứu là 25 ngày làm việc trong khoảng thời gian từ tháng 7 – 9/2018.

Địa điểm nghiên cứu thực hiện tại Hà Nội và thí nghiệm Bắc Giang, mời chuyên gia từ Văn phòng SCOH2, Bộ NN & PTNT, Văn phòng UNDP hoặc các địa điểm khác tại Hà Nội bố trí thực hiện. Nhà thầu sẽ dành ít nhất 8 ngày làm việc cho 2 chuyên gia công tác tại thí nghiệm Bắc Giang.

Nhà thầu sẽ lập kế hoạch chi phí và bao gồm chi phí di chuyển giữa các địa điểm địa điểm nghiên cứu và tài chính.

5) Sản phẩm cuối cùng

Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm giao nộp các sản phẩm sau bằng ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.

- Báo cáo khởi đầu nêu chi tiết cách tiếp cận, phương pháp luận và kế hoạch công tác thực hiện nghiên cứu.
- Danh mục các địa điểm nghiên cứu thực địa (huyện/xã) nêu rõ lý do thực địa.
- Khảo sát và phỏng vấn sơ bộ ban đầu, danh mục kiểm tra và các công cụ khác thực hiện nghiên cứu thực địa.
- Báo cáo nghiên cứu tổng thể, kết quả các kết quả đánh giá thực nghiệm và ảnh hưởng về quần lý kháng sinh và tình trạng kháng kháng sinh và các rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống y tế, quần lý kháng sinh và tình trạng kháng kháng sinh trong chuỗi giá trị nông sản.

v t (ch n nuôi, gây nuôi và buôn bán ng v t hoang dã), và các v n v môi tr ng do s d ng m t s lo i thu c kháng khu n và s xu t hi n c a m t s sinh v t kháng kháng sinh trong n c th i c a ng i và ng v t, kèm theo m t s khuy n ngh đ a trên k t qu nghiên c u.

- B ng tính Excel bao g m các s li u và phân tích k t qu th c a.
- Các tài li u h tr liên quan bao g m danh sách ng i tham gia h i th o, th gi i thi u, bài trình bày v.v. các chi chép và ý ki n óng góp ghi nh n t i các cu c tham v n và ý ki n óng góp t Đ án, các H i th o tham v n và các cu c h p v i các bên liên quan; nh ch p và đ li u thu th p trong quá trình th c a.
- Danh sách các tài li u tham kh o trong ó phác th o các thông tin ã thu th p và c phân tích trong quá trình rà soát tài li u và th c hi n các chuy n th c a.

6) K ho ch th c hi n đ ki n:

Nhà th u t v n đ ki n s th c hi n các nhi m v sau và s cung c p các s n ph m theo yêu c u (b ng tí ng Anh và tí ng Vi t) theo quy nh. Đ i này là các m c th i gian giao n p các k t qu /s n ph m u ra chính.

Nhi m v c giao/S n ph m	Th i h n
1. Báo cáo kh i ng và k ho ch làm vi c chi ti t, bao g m thi t k n i dung và ph ng pháp lu n nghiên c u chi ti t xu t	10/7/2018
2. Thu th p và rà soát các tài li u hi n có liên quan	15/7/2018
3. Thi t k , thí i m và hoàn thi n các công c ph ng v n và kh o sát và b ng h i	20/7/2018
4. Th c hi n các ho t ng nghiên c u t i th c a	10/8/2018
5. i chi u và phân tích các đ li u nh tính và nh l ng	20/8/2018
6. Trình bày đ th o k t qu nghiên c u	01/9/2018
7. Đ th o Báo cáo cu i cùng	15/9/2018
8. Báo cáo cu i cùng	30/9/2018

7) Ki m soát s n ph m và giám sát ti n

- Nhà th u s ph i h p ch t ch và đ i s h ng đ n c a Ban qu n lý SCOH2 (Ban Th ký OHP), bao g m báo cáo t ng th t cho Giám c Đ án qu c gia và báo cáo hàng ngày cho Tr ng Ban Th ký.
- Nhà th u t v n s ph n h i k p th i (t t nh t trong vòng 24 gi) i v i các yêu c u k thu t và các trao i khác t phía Giám c Đ án qu c gia và Tr ng Ban Th ký.
- Các s n ph m Báo cáo s c n p cho Ban QLDA SCOH2 (Ban th ký OHP) xem xét và phê duy t. T t c các s n ph m báo cáo u ph i c Giám c Đ án qu c gia, C v n i tác Qu c t và Cán b Ch ng trình c a UNDP ph trách đ án SCOH2 ki m tra k thu t và thông qua.

8) Yêu c u chuyên môn và kinh nghi m làm vi c

Nhà thầu tư vấn cần có kinh nghiệm sâu rộng trong việc thực hiện nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan tại Việt Nam, cụ thể như sau:

Các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc và chuyên môn của Nhà thầu tư vấn như sau:

- Bằng thành thạo lĩnh vực có liên quan. Có thể hình thành hoặc bổ sung qua các yêu cầu về học vấn và có chứng minh kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực này.
- Có ít nhất 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu có liên quan. Có kinh nghiệm về y tế công cộng và M t S c kh e là m t l i th .
- Có ít nhất 7 năm kinh nghiệm làm Trưởng nhóm các nghiên cứu thực hiện bởi các nhóm tư vấn liên ngành.
- Kỹ năng phân tích tài liệu
- Kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Anh và tiếng Việt tốt
- Có khả năng làm việc linh hoạt trong các môi trường văn hóa khác nhau và với nhiều bên liên quan khác nhau.

STT	Chi tiêu	Điểm
1	Bằng thành thạo lĩnh vực có liên quan. Có thể hình thành hoặc bổ sung qua các yêu cầu về học vấn và có chứng minh kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực này.	150
2	Có ít nhất 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu có liên quan. Có kinh nghiệm về y tế công cộng và M t S c kh e là m t l i th .	150
3	Có ít nhất 7 năm kinh nghiệm làm Trưởng nhóm các nghiên cứu thực hiện bởi các nhóm tư vấn liên ngành.	200
4	Kỹ năng phân tích tài liệu	200
5	Kỹ năng giao tiếp và viết tiếng Anh và tiếng Việt tốt	100
6	Có khả năng làm việc linh hoạt trong các môi trường văn hóa khác nhau và với nhiều bên liên quan khác nhau.	100
7	Có kỹ năng tốt trong việc xây dựng báo cáo cho Liên Hợp Quốc	100
		1,000

9) Kiểm tra tính toán và chi phí thanh toán

Các chi phí thanh toán sẽ dựa trên tiến độ giao nộp sản phẩm, tức là khi Tư vấn giao nộp các deliverable quy định trong KTC. Nhà thầu tư vấn sẽ thanh toán theo các điều kiện sau:

- Khoản thanh toán đầu tiên trị giá 10% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán sau khi Tư vấn nộp và chấp nhận Báo cáo khởi công và danh sách các nhà nghiên cứu;
- Khoản Thanh toán lần 2 trị giá 20% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán khi Tư vấn nộp và chấp nhận các công việc nghiên cứu;
- Khoản thanh toán lần ba trị giá 40% giá trị hợp đồng sẽ thanh toán khi Tư vấn nộp và chấp nhận các kết quả sơ bộ và draft báo cáo;
- Khoản thanh toán cuối cùng trị giá 30% sẽ thanh toán sau khi Tư vấn gửi và phê duyệt tất cả các sản phẩm theo hợp đồng.

10) Hồ sơ thực hiện hành chính và các tài liệu tham khảo

Ban Thư ký OHP sẽ cung cấp các hỗ trợ hành chính trong khi bạn viết cách là BQLDA SCOH2. Các bản sao tài liệu và các báo cáo liên quan sẽ được cung cấp cho Nhà thầu khi bắt đầu nhiệm vụ. Ban QLDA sẽ tổ chức họp với các bên liên quan chính tại Hà Nội, và sẽ tiếp tục hỗ trợ trình bày kết quả nghiên cứu. BQLDA sẽ hỗ trợ việc ghi công với các bên liên quan chính và các chuyên gia yêu cầu tổ chức họp và hỗ trợ cho Nhà thầu thực hiện nghiên cứu và các chuyên gia.

11) Yêu cầu TVN có mặt tại địa điểm thực hiện nhiệm vụ

KHÔNG CẦN THỜI THOẢNG KHÔNG LIÊN TỤC TOÀN THỜI GIAN